

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 55/2018/DS-ST

Ngày: 30-11-2018

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đình Nguyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ngô Xuân Dệt

2. Bà Tô Thị Lành

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại: Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2018 về: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn M, sinh năm 1969; địa chỉ: 826 đường P, Tổ 3, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Võ Thị H, sinh năm 1962 và ông Nguyễn H, sinh năm 1960; cùng địa chỉ: 142 đường L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 và ngày 13 tháng 6 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Trần Văn M trình bày:

Ông Trần Văn M và gia đình bà Võ Thị H là chỗ quen biết nhau. Ngày 01-6-2017, ông M cho vợ chồng bà Võ Thị H và ông Nguyễn H vay số tiền là 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng chẵn). Việc vay tiền này có viết giấy mượn tiền đề ngày 01-6-2017. Tuy nhiên đến nay sau nhiều lần yêu cầu bà H và ông H trả tiền vay nhưng không được. Ông M phát hiện vợ chồng bà H, ông H đã bán nhà nhưng không trả tiền cho ông M. Ngoài ra, ông M phát hiện bà H và ông H tiếp tục chuyển nhượng thửa đất số: 81D; tờ bản đồ số: 86; địa chỉ thửa đất: Tổ 16, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; diện tích: 117,4m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 028594, được Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh

Gia Lai cấp ngày 04-8-2010. Ông M đã yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để phong tỏa đối với tài sản này.

Nay, ông M yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết:

- Buộc bà Võ Thị H và ông Nguyễn H phải trả cho ông M số tiền vay là 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng). Về tiền lãi, ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 13-6-2018 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại Biên bản hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt cùng ngày 25 tháng 10 năm 2018, bị đơn là ông Nguyễn H trình bày:

Ông Nguyễn H thừa nhận cùng vợ là bà Võ Thị H và ông Trần Văn M là chỗ quen biết nhau từ lâu và thừa nhận có sự việc bà Võ Thị H vay tiền của ông M. Trong quá trình làm việc tại Tòa án trước đây, ông H không thừa nhận khoản vay của ông M là nợ chung. Bởi vì tại thời điểm bà H vay tiền của ông M thì vợ chồng ông H nợ tiền rất nhiều người và đã phải bán nhà để trả nợ nên ông H không nhớ chính xác đã nợ của ai. Quá trình giải quyết vụ án đến nay, ông H xác nhận số tiền nợ 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng) như yêu cầu khởi kiện của ông M là nợ chung vợ chồng. Do điều kiện kinh doanh của ông H và bà H thua lỗ nên mất khả năng trả nợ. **Đối với yêu cầu khởi kiện của ông M, ông H đồng ý trả nợ và đồng ý dùng tài sản là: Thửa đất số: 81D; tờ bản đồ số: 86; địa chỉ thửa đất: Tổ 16, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; diện tích: 117,4m² là tài sản chung vợ chồng ông H và bà H để trả nợ cho ông M.**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng bị đơn là bà Võ Thị H vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn là ông Nguyễn H thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn là bà Võ Thị H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là bà Võ Thị H vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ông Trần Văn M khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị H và ông Nguyễn H có nơi cư trú tại: Thành phố P, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền vay theo Giấy mượn tiền đề ngày 01-6-2017. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, bà Võ Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt; bị đơn là ông Nguyễn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Ông Trần Văn M yêu cầu giải quyết buộc bà Võ Thị H và ông Nguyễn H phải trả số tiền vay là 290.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 01-6-2017.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Võ Thị H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng nộ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối tình tiết, sự kiện . . . mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Qua xem xét Giấy mượn tiền ngày 01-6-2017 thể hiện nội dung: *“Võ Thị H cùng chồng là Nguyễn H có mượn của ông Trần Văn M số tiền là 290.000.000đồng; lãi suất thỏa thuận trả hàng tháng, thời hạn thanh toán: Từ tháng 8 trả bớt tiền gốc”* nhưng tại mục: *“người mượn tiền ký”* chỉ có chữ ký của bà Võ Thị H. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn H thừa nhận số tiền vay là nợ chung của vợ chồng và vẫn chưa trả được số tiền này. Vì vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định số tiền vay 290.000.000đồng là nợ chung của vợ chồng nên ông H và bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, các nội dung được ghi trong Giấy mượn tiền không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đây là Hợp đồng vay tài sản có hiệu lực pháp luật. Hiện số tiền vay 290.000.000đồng vẫn chưa được thanh toán nên bà H và ông H đã vi phạm thời hạn trả tiền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...”*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M; buộc bà H và ông H có trách nhiệm liên đới trả cho ông M số tiền là 290.000.000đồng.

[3] Về tiền lãi: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn M có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự; phong toả tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị H và ông Nguyễn H đối với tài sản: “Thửa đất số: 81D; tờ bản đồ số: 86; địa chỉ thửa đất: Tổ 16, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; diện tích: 117,4m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 028594, được Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04-8-2010”. Tòa án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 13-6-2018. Bị đơn là ông Nguyễn H và bà Võ Thị H không có ý kiến gì đối với việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này. Hội đồng xét xử thấy việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cần thiết để đảm bảo cho việc thi hành án nên tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M.

Buộc bà Võ Thị H và ông Nguyễn H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn M số tiền là: 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Về án phí:

Bà Võ Thị H và ông Nguyễn H phải chịu 14.500.000đ (Mười bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.250.000đ (Bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003673 ngày 13 tháng 6 năm 18 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Đình Nguyên